

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 210 /BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2018

V/v xin ý kiến tham gia đối với
dự thảo Nghị định của Chính phủ
quy định về quản lý nợ chính
quyền địa phương

VAN PHÒNG UBND TỈNH LANG SON
Số: 122
ĐẾN Ngày: 10/01/18
Chuyên: HOA-HO

Kính gửi:

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Nội vụ, Ngoại giao
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

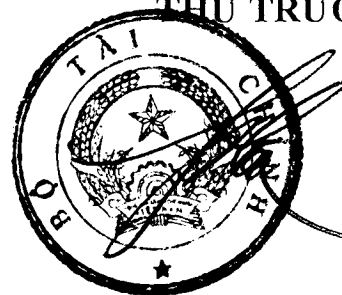
Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018, trong đó tại Điều 53 giao Chính phủ quy định chi tiết về quản lý nợ chính quyền địa phương. Thực hiện quy định của Luật quản lý nợ công, theo phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ giúp việc và tổ chức nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan tham gia ý kiến và gửi lại Bộ Tài chính trước ngày 20/01/2018 để hoàn chỉnh dự thảo trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định. /:8

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Vụ Pháp chế;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải)
- Lưu: VT, NSNN. 85

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trần Xuân Hà

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định
về quản lý nợ của chính quyền địa phương**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Quyết định số.../QĐ-TTg ngày... tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành các Luật đã được thông qua tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV, Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật Quản lý nợ công, trong đó có Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương, trình Chính phủ trong tháng 4 năm 2018; Bộ Tài chính đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập và tổ chức nghiên cứu, soạn thảo dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình soạn thảo đã tổ chức xin ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương;...và được Bộ Tư pháp thẩm định tại văn bản số.../BTP-PLDSKT ngày...tháng... năm 2018.

Dưới đây, Bộ Tài chính trình Chính phủ một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH:

- Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018, trong đó tại Điều 53 giao Chính phủ quy định chi tiết về quản lý nợ của chính quyền địa phương. Vì vậy, để cụ thể hóa quy định của Luật Quản lý nợ công trong việc quản lý nợ của chính quyền địa phương, góp phần đồng bộ khung khổ pháp lý về quản lý nợ công và quản lý ngân sách nhà nước (NSNN).

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững đã xác định mục tiêu, quan điểm và giải pháp về quản lý nợ công trong thời gian tới, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; chỉ chi

trong khả năng của nền kinh tế và chi vay trong khả năng trả nợ; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cấp về sử dụng vốn vay và quản lý nợ công. Đồng thời, Nghị quyết 25/2016/QH14 ngày 9 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020 đã đặt ra mục tiêu kiểm soát an toàn nợ công, đồng thời yêu cầu “*Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý nợ công theo hướng điều chỉnh phạm vi nợ công hợp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tế của Việt Nam*”.

- Xuất phát từ thực tế quản lý nợ của chính quyền địa phương thời gian qua, đặc biệt từ khi có Luật NSNN năm 2015 có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017, mặc dù việc quản lý nợ của chính quyền địa phương đã bảo đảm chặt chẽ hơn, rõ ràng hơn, nhưng chưa phân định rõ ràng trách nhiệm của cơ quan giúp Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh trong việc thực hiện các nhiệm vụ vay cũng như trách nhiệm trong việc bố trí các nguồn lực tài chính của địa phương để hoàn trả các khoản nợ theo đúng cam kết với các cơ quan và tổ chức cho vay trong và ngoài nước, đặc biệt là các khoản vay lại của chính quyền địa phương từ nguồn vay ngoài nước của Chính phủ.

Đối với khoản vay ngoài nước của Chính phủ từ năm 2016 trở về trước chủ yếu thực hiện cơ chế trung ương cấp phát cho địa phương¹, nghĩa vụ trả nợ thuộc ngân sách trung ương (NSTW) dẫn đến các địa phương ỷ lại trông chờ vào NSTW và sử dụng nguồn vốn vay ngoài nước chưa thực sự có hiệu quả. Để bảo đảm kiểm soát nợ công trong giới hạn cho phép và sử dụng nguồn vốn vay ngoài nước có hiệu quả, chia sẻ nghĩa vụ trả nợ với NSTW, Chính phủ có chỉ đạo² từ nay sẽ thực hiện cơ chế thay vì Trung ương cấp phát nguồn vốn vay nước ngoài cho các địa phương như trước đây, sẽ thực hiện phương thức NSTW cấp phát một phần và cho địa phương vay lại một phần³.

- Quy mô nợ của chính quyền địa phương ngày càng lớn: Dự kiến đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017, mức dự nợ vay của các địa phương là 66.654 tỷ đồng, bằng 1,2% GDP và bằng 29,2% mức dư nợ được phép theo quy định của Luật NSNN (mức dư nợ được phép của các địa phương theo dự toán năm 2018 là 228.193 tỷ đồng); hạn mức các địa phương còn được phép vay khá lớn khoảng 162.064 tỷ đồng, bằng 2,9% GDP.

Từ lý do trên và để quản lý nợ của chính quyền địa phương chặt chẽ, hiệu quả, thì việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính

¹ Trung ương cấp phát từ nguồn vốn vay cho địa phương: năm 2015 là 21.563 tỷ đồng; năm 2016 là 19.380 tỷ đồng; dự toán 2017 là 23.000 tỷ đồng; dự toán năm 2018 là 26.198 tỷ đồng.

² Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

³ Số dư nợ vay lại của các địa phương từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ đến ngày 31/12/2016 là 11.960 tỷ đồng; dự kiến đến ngày 31/12/2017 là 17.500 tỷ đồng. Dự kiến đến hết năm 2018 khoảng 28.000 tỷ đồng.

quyền địa phương là cần thiết, đảm bảo đủ cơ sở pháp lý và đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn.

II. VỀ QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH:

- Cụ thể hóa Luật Quản lý nợ công, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý nợ công. Xây dựng khuôn khổ pháp lý đồng bộ trong quản lý nợ của chính quyền địa phương nói riêng và quản lý nợ công nói chung, nhằm huy động và phát triển đa dạng các nguồn lực, phân bổ hợp lý, bảo đảm công bằng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; ổn định và phát triển nền tài chính quốc gia, tăng trưởng kinh tế bền vững.

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong công tác quản lý nợ của chính quyền địa phương; gắn trách nhiệm giải trình với chức năng nhiệm vụ được giao trong tất cả các khâu từ lập kế hoạch, phân bổ, quản lý, sử dụng các khoản vay nợ. Đồng thời, bố trí nguồn lực để hoàn trả các khoản nợ theo cam kết vay.

- Kiểm soát chặt chẽ nợ của chính quyền địa phương từ lập kế hoạch vay nợ và việc huy động các nguồn vốn vay; phân bổ, sử dụng vốn vay và bố trí nguồn lực tài chính của địa phương để hoàn trả các khoản vay; từ đó góp phần kiểm soát tốc độ gia tăng nợ công, bảo đảm an toàn, bền vững nợ và an ninh tài chính quốc gia; góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện cơ chế công khai, minh bạch các khoản vay và trả nợ các khoản vay; tăng cường, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nợ của chính quyền địa phương.

III. BỐ CỤC VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH:

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị định gồm 6 Chương, với 23 Điều. Cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung gồm 03 Điều (từ Điều 1 đến Điều 3).

- Chương II: Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm; chương trình quản lý nợ 03 năm và kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của chính quyền địa phương gồm 3 điều (từ Điều 5 đến Điều 7).

- Chương III: Thực hiện vay và trả nợ của chính quyền địa phương gồm 07 Điều (từ Điều 8 đến Điều 14).

- Chương IV: Kế toán, kiểm toán báo cáo và công bố thông tin nợ của chính quyền địa phương gồm 04 Điều (từ Điều 15 đến Điều 18).

- Chương V: Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan cấp tỉnh trong quản lý nợ của chính quyền địa phương gồm 02 Điều (từ Điều 19 đến Điều 20).

- Chương V: Điều khoản thi hành gồm 03 Điều (từ điều 21 đến Điều 23)

2. Những nội dung cơ bản của Nghị định:

a) *Chương I*- Những quy định chung, gồm 03 Điều (từ Điều 1 đến Điều 3). Chương này quy định: phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; mục đích và nguyên tắc, hình thức và điều kiện vay của chính quyền địa phương.

- Nội dung của Chương quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh của Nghị định quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương bao gồm: Mục đích, nguyên tắc, hình thức và điều kiện vay; lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm; chương trình quản lý nợ 03 năm và tổ chức vay, trả nợ; kế toán, kiểm toán, báo cáo và công bố thông tin nợ; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Về mục đích, nguyên tắc hình thức, điều kiện vay của chính quyền địa phương, để bảo đảm tính hệ thống về cơ bản dự thảo Nghị định dẫn chiếu hoặc kết cấu lại các nội dung đã quy định trong Luật Quản lý nợ và Luật NSNN.

c) *Chương II* - Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm; chương trình quản lý nợ 03 năm và kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của chính quyền địa phương gồm 3 Điều (từ Điều 05 đến Điều 06).

- Nội dung của chương này quy định kế hoạch vay, trả nợ 05 năm (không phải kế hoạch riêng biệt) mà là một nội dung trong kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Chương trình quản lý nợ 03 năm là một nội dung trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Dự thảo Nghị định quy định quy định cụ thể các nội dung, chỉ tiêu của từng loại kế hoạch.

- Đối với trình tự lập, quyết định kế hoạch, trả nợ 05 năm, dự thảo Nghị định dẫn chiếu thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ về trình tự lập, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại Điều 9 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

- Đối với trình tự thời gian lập, quyết định chương trình quản lý nợ 03 năm, Luật Quản lý nợ công quy định được lập cùng với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm theo quy định của Luật NSNN. Luật NSNN quy định kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm là kế hoạch tài chính - NSNN được lập hằng năm theo phương thức cuốn chiếu cho thời gian 03 năm, kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm

tiếp theo. Sở Tài chính tổng hợp Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) cùng cấp đề tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm.

- Đối với lập kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương hằng năm được lập cùng với thời gian lập dự toán NSNN, trình tự lập, quyết định, giao theo quy định của trình tự lập, quyết định, giao dự toán NSNN theo quy định của Luật NSNN.

d) Chương III - Thực hiện vay, trả nợ của chính quyền địa phương gồm 05 Điều (từ Điều 08 đến Điều 12).

Chương này quy định, việc lập và thực hiện kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của chính quyền địa phương sau khi đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao và quyết định của HĐND cấp tỉnh. Cụ thể:

- Đối với tổ chức vay, dự thảo Nghị định quy định cụ thể nội dung, trình tự việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (nội dung này chủ yếu kế thừa nội dung về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương quy định tại Mục 3 Chương 2 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương).

Đối với vay lại nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài được thực hiện theo Chương V của Luật Quản lý nợ công, Nghị định quy định về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ đối với chính quyền địa phương.

Ngoài ra, quy định cụ thể việc tổ chức vay từ các nguồn trong nước khác, như: vay từ ngân quỹ nhà nước, vay quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh; vay từ các nguồn trong nước khác.

- Đối với trả nợ vay: dự thảo Nghị định quy định cụ thể việc trả lãi, phí và chi phí khác liên quan đến khoản vay của chính quyền địa phương; trả nợ gốc khoản vay của chính quyền địa phương. Quy định cụ thể trình tự trường hợp nhu cầu hoặc phát sinh việc trả trước nợ gốc, lãi.

đ) Chương V - Kế toán, kiểm toán, Báo cáo và công bố thông tin nợ của chính quyền địa phương gồm 04 Điều (từ Điều 13 đến Điều 16).

- Về kế toán: quy định các khoản vay, trả nợ, dư nợ của chính quyền địa phương phải được hạch toán kế toán theo quy định của Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước. Các khoản vay, trả nợ, dư nợ của chính quyền địa phương được hạch toán kế toán tại kho bạc nhà nước cấp tỉnh.

- Về kiểm toán quy định: Việc kiểm toán báo cáo vay, trả nợ, dư nợ của chính quyền địa phương được Kiểm toán Nhà nước thực hiện cùng với kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trước khi trình HĐND cấp tỉnh phê chuẩn.

- Về chế độ báo cáo của Sở Tài chính với UBND cấp tỉnh; báo cáo của UBND cấp tỉnh với Thường trực HĐND, HĐND, Bộ Tài chính về tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của chính quyền địa phương.

Đồng thời, quy định cụ thể nội dung, chỉ tiêu về vay, trả nợ mà UBND cấp tỉnh hằng năm phải công bố thông tin nợ của chính quyền địa phương trên trang thông tin điện tử của địa phương.

b) *Chương V*: Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan cấp tỉnh trong quản lý nợ của chính quyền địa phương gồm 02 Điều (từ Điều 19 đến Điều 20). Chương này quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND cấp tỉnh, Sở Tài chính, các cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND cấp tỉnh trong việc quản lý nợ của chính quyền địa phương.

Để bảo đảm việc quản lý nợ của chính quyền địa phương vào một đầu mối (tương tự như đối với ở Trung ương), dự thảo Nghị định quy định: *Sở Tài chính là cơ quan đầu mối giúp UBND cấp tỉnh thống nhất quản lý nợ của chính quyền địa phương.*

e) *Chương VI* - Điều khoản thi hành gồm 03 Điều (từ điều 21 đến điều 23)

Dự thảo Nghị định quy định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 (thời gian mà Luật Quản lý nợ công có hiệu lực thi hành).

IV. VỀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP: (*nội dung này sẽ bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp*)

V. MỘT SỐ NỘI DUNG CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ (*nội dung này sẽ bổ sung sau khi có ý kiến của các Bộ, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp*):

VI. HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH TRÌNH CHÍNH PHỦ, GỒM:

1. Tờ trình Chính phủ
2. Dự thảo Nghị định.
3. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương (sẽ bổ sung sau).

4. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương (sẽ bổ sung sau).

Trên đây là dự thảo Nghị định của Chính phủ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

Kính trình Chính phủ xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, NSNN.

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DƯ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương bao gồm:

a) Mục đích, nguyên tắc, hình thức và điều kiện vay;

b) Lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm; chương trình quản lý nợ 03 năm và tổ chức vay, trả nợ;

c) Kế toán, kiểm toán, báo cáo và công bố thông tin nợ;

d) Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

2. Đối tượng áp dụng:

a) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến vay, sử dụng vốn vay, trả nợ của chính quyền địa phương.

Điều 2. Mục đích vay của chính quyền địa phương

1. Bù đắp bội chi của ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Vay để trả nợ gốc của ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc vay của chính quyền địa phương

1. Vay bù đắp bội chi của ngân sách địa phương chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển để thực hiện chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Vay để trả nợ gốc khi thực hiện vay có thể thực hiện theo phương thức trước khi phân bổ dự toán vốn đầu tư phát triển phải trừ tương ứng số chi trả nợ gốc thực hiện bằng nguồn vay, phần còn lại của vốn đầu tư mới phân bổ cho các chương trình dự án. Sau khi tổ chức vay được sẽ thực hiện phân bổ cho các dự án; trường hợp không vay được hoặc vay thấp hơn mức dự kiến thì phải thực hiện cắt giảm vốn đầu tư tương ứng.

3. Chính quyền địa phương chỉ được phép vay trong tổng mức vay đã được Quốc hội quyết định hằng năm cho từng địa phương và trong hạn mức dư nợ vay. Không được vay trực tiếp ngoài nước, không được bảo lãnh cho các doanh nghiệp để vay vốn hoặc phát hành trái phiếu trong và ngoài nước.

4. Mọi khoản vay do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay phải được tính đúng, tính đủ vào nợ của chính quyền địa phương.

5. Bảo đảm mức dư nợ vay của chính quyền địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 7 của Luật ngân sách nhà nước và Điều 4 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ). Trường hợp các địa phương được áp dụng cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù, thì mức dư nợ vay của chính quyền địa phương được thực hiện theo quy định đặc thù.

Điều 4. Hình thức và điều kiện vay của chính quyền địa phương

1. Hình thức vay của chính quyền địa phương:

a) Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường vốn trong nước theo quy định của Nghị định này;

b) Vay lại từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại Chương V Luật Quản lý nợ công, Nghị định của Chính phủ quy định về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài và Nghị định này;

c) Vay từ các nguồn tài chính khác trong nước theo quy định của pháp luật về ngân sách và quy định tại Nghị định này.

2. Điều kiện vay của chính quyền địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật quản lý nợ công.

Chương II

KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ 05 NĂM; CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ NỢ 03 NĂM VÀ KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ HÀNG NĂM CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương

1. Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương được lập cùng và là một nội dung trong kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương cùng với thời gian xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

3. Việc lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương trên cơ sở các căn cứ, yêu cầu về lập dự toán ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách địa phương quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm (sau đây gọi là Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

4. Nội dung lập kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương:

a) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn trước, những kết quả đạt được, những hạn chế yếu kém và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm;

b) Các chỉ tiêu lập kế hoạch, vay trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương, gồm: Hạn mức vay, dư nợ vay của chính quyền địa phương (dư nợ so với hạn mức được vay); dự kiến vay, trả nợ; các giải pháp về chính sách và quản lý nhằm đảm bảo an toàn, bền vững nợ của chính quyền địa phương;

c) Dự báo những rủi ro tác động đến các chỉ tiêu quản lý về nợ của chính quyền địa phương.

5. Trình tự lập, quyết định kế hoạch vay, trả nợ 05 năm được thực hiện theo trình tự lập, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại Điều 9 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Việc điều chỉnh kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của chính quyền địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều 10 và khoản 5 Điều 11 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 6. Chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương

1. Chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương được lập và là một nội dung trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương được lập theo phương thức cuốn chiếu cho thời gian 03 năm, kể từ năm kế hoạch và 02 năm tiếp theo.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương lập chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương cùng với kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Việc lập chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương được lập trên cơ sở căn cứ và yêu cầu về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

5. Nội dung chương trình quản lý nợ 03 năm của chính quyền địa phương:

a) Đánh giá tình hình thực hiện việc quản lý nợ của chính quyền địa phương năm hiện hành;

b) Dự kiến hạn mức vay, dư nợ vay của chính quyền địa phương; dự kiến vay, trả nợ trong năm kế hoạch và chi tiết cụ thể từng năm cho 02 năm tiếp theo;

c) Dự kiến phương án vay, chi phí huy động; nghĩa vụ trả nợ và dự kiến nguồn trả nợ; rủi ro có thể phát sinh trong năm kế hoạch và chi tiết cụ thể từng năm cho 02 năm tiếp theo;

d) Các giải pháp chủ yếu để thực hiện chương trình đảm bảo an toàn, bền vững nợ của chính quyền địa phương.

6. Thời gian gửi Bộ Tài chính cùng với thời gian gửi kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Kế hoạch vay, trả nợ hằng năm

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan khác ở địa phương lập kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi gửi Bộ Tài chính cùng với dự toán ngân sách địa phương hằng năm để tổng hợp.

2. Việc lập kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương hằng năm được lập trên cơ sở các căn cứ và yêu cầu về lập dự toán ngân sách nhà nước, dự toán ngân sách địa phương quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Nội dung lập kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương hằng năm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Quản lý nợ công, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thời gian hướng dẫn lập, xây dựng, tổng hợp, quyết định và giao kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của chính quyền địa phương thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Việc điều chỉnh kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương hằng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III

THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

THỰC HIỆN VAY CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Kế hoạch vay của chính quyền địa phương

Căn cứ dự toán ngân sách địa phương, tổng mức vay hàng năm và chủ trương phát hành trái phiếu chính quyền địa phương được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập kế hoạch vay của chính quyền địa phương, gồm: số vay, thời điểm vay, nguồn vay, hình thức vay, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Riêng đối với kế hoạch vay khoản vay lại từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, việc xây dựng kế hoạch vay phải phù hợp tổng mức giao của Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân quyết định và khả năng giải ngân của các chương trình, dự án theo thỏa thuận vay đã ký kết.

Điều 9. Tổ chức vay theo hình thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương

1. Căn cứ kế hoạch vay của chính quyền địa phương được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định quy định tại Điều 8 Nghị định này, Sở Tài chính xây dựng Đề án về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích phát hành trái phiếu chính quyền địa phương;

b) Dự kiến điều kiện, điều khoản của trái phiếu chính quyền địa phương bao gồm: khối lượng; kỳ hạn; mệnh giá; đồng tiền phát hành; lãi suất phát hành; cam kết của tổ chức phát hành đối với chủ sở hữu trái phiếu; điều khoản mua lại, hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương (nếu có);

c) Dự kiến thời gian và phương thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Tình hình vay và trả nợ gốc, lãi vốn vay từ tất cả các nguồn của ngân sách cấp tỉnh trong 03 năm ngân sách liền kề trước năm dự kiến phát hành trái phiếu chính quyền địa phương;

đ) Phương án bố trí nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;

e) Dự kiến các thông tin cung cấp cho nhà đầu tư trước đợt phát hành trái phiếu.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Tài chính cho ý kiến về điều kiện, điều khoản của trái phiếu chính quyền địa phương, kèm theo các tài liệu sau:

a) Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách cấp tỉnh và tổng mức vay, trả nợ của năm dự kiến phát hành; kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương và các tài liệu có liên quan khác.

4. Sau khi nhận được văn bản đề nghị của địa phương, trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc, Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến bằng văn bản đối với điều kiện, điều khoản của trái phiếu chính quyền địa phương theo các nội dung quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phát hành trái phiếu.

5. Tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương:

a) Trái phiếu được phát hành theo phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành hoặc phát hành riêng lẻ. Phương thức và quy trình phát hành trái phiếu chính quyền địa phương được áp dụng theo phương thức và quy trình phát hành công cụ nợ của Chính phủ;

b) Lãi suất phát hành trái phiếu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định

trong khung lãi suất do Bộ Tài chính thông báo cho từng thời kỳ hoặc từng đợt phát hành;

c) Trái phiếu chính quyền địa phương được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết trái phiếu chính quyền địa phương được áp dụng như quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết công cụ nợ của Chính phủ.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn. Nguồn thanh toán gốc, lãi trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này. Chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, thanh toán gốc, lãi trái phiếu do ngân sách địa phương chi trả theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này;

đ) Việc công bố thông tin cho nhà đầu tư về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 10. Tổ chức vay lại từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài

Căn cứ thỏa thuận vay lại giữa Bộ Tài chính với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của từng chương trình, dự án; số vay lại được Thủ tướng Chính phủ giao trong dự toán ngân sách địa phương hàng năm; hình thức rút vốn mà thực hiện giải ngân nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 11. Tổ chức vay từ các nguồn trong nước khác

1. Đối với vay từ ngân quỹ nhà nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được vay ngân quỹ nhà nước để bù đắp bội chi và để trả nợ gốc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phải trả khoản chi sử dụng ngân quỹ nhà nước theo quy định.

b) Căn cứ dự toán ngân sách địa phương, tổng mức vay hàng năm được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo các hồ sơ liên quan gửi Bộ Tài chính để xem xét, quyết định.

c) Thời hạn, chi phí vay ngân quỹ nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước;

d) Bộ Tài chính quy định cụ thể về vay ngân quỹ nhà nước của chính quyền địa phương.

2. Đối với vay quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh:

a) Chỉ những địa phương được Chính phủ quy định cho phép vay từ Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh mới được phép vay;

b) Căn cứ dự toán ngân sách địa phương, tổng mức vay hàng năm được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vay (trong đó nêu rõ mức vay, thời hạn vay);

Việc vay quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh không vượt quá mức được phép vay và phải bảo đảm hoàn trả đúng thời hạn quy định và không phải trả lãi vay từ nguồn quỹ này.

3. Vay từ các nguồn tài chính khác trong nước:

a) Căn cứ dự toán ngân sách địa phương, tổng mức vay hàng năm được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay vốn từ các nguồn tài chính khác trong nước;

b) Điều kiện của khoản vay do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức cho thỏa thuận thống nhất nhưng phải đảm bảo vay bằng tiền Đồng Việt Nam; lãi suất vay và chi phí khác liên quan đến khoản vay do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền thỏa thuận với tổ chức tài chính, tín dụng và phải đảm bảo phù hợp với mặt bằng lãi suất chung của thị trường tại thời điểm vay;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đàm phán về trình tự, thủ tục, hồ sơ và ký kết thỏa thuận vay với tổ chức cho vay.

Mục 2

TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 12. Kế hoạch trả nợ của chính quyền địa phương

Căn cứ dự toán ngân sách địa phương về trả nợ gốc và nguồn trả nợ gốc; trả lãi, phí và chi phí các khoản vay được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan lập kế hoạch chi trả nợ gốc, lãi, phí và chi phí các khoản vay của chính quyền địa phương, gồm: số trả nợ gốc và nguồn trả nợ gốc, lãi, phí và chi phí các khoản vay của chính quyền địa phương; thời điểm trả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 13. Trả lãi, phí và chi phí khác liên quan đến khoản vay của chính quyền địa phương

1. Căn cứ dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và nghĩa vụ trả nợ đến hạn đã ký kết, Sở Tài chính lập lệnh chi trả nợ gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện xuất quỹ ngân sách cấp tỉnh và hạch toán chi ngân sách cấp tỉnh theo quy định.

2. Trường hợp nhu cầu hoặc phát sinh việc trả trước lãi, phí và chi phí khác liên quan đến khoản vay của chính quyền địa phương mà vượt dự toán ngân sách đã được quyết định, Sở Tài chính tổng hợp và đề xuất phương án xử lý, báo cáo Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc Hội đồng nhân dân cùng cấp để điều chỉnh lại dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 14. Trả nợ gốc khoản vay của chính quyền địa phương

1. Nguồn chi trả nợ gốc khoản vay của chính quyền địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, gồm:

a) Số vay để trả nợ gốc được Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hằng năm;

b) Bội thu ngân sách địa phương cấp tỉnh;

c) Kết dư ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Ngân sách nhà nước;

d) Tăng thu, tiết kiệm chi so với dự toán trong quá trình chấp hành ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ nguồn đã bố trí và nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Sở Tài chính lập lệnh chi trả nợ gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện xuất quỹ ngân sách cấp tỉnh chi trả, đồng thời hạch toán giảm nợ vay theo quy định.

3. Trường hợp nhu cầu hoặc phát sinh việc trả trước nợ gốc khoản vay của chính quyền địa phương mà vượt nguồn đã dự kiến, Sở Tài chính tổng hợp và đề xuất phương án xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc Hội đồng nhân dân cùng cấp để điều chỉnh lại dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương IV

KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 15. Kế toán nợ của Chính quyền địa phương

1. Các khoản vay, trả nợ, dư nợ của chính quyền địa phương phải được thực hiện hạch toán kế toán theo quy định của Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước.

2. Các khoản vay, trả nợ, dư nợ của chính quyền địa phương được hạch toán kế toán tại kho bạc nhà nước cấp tỉnh.

Điều 16. Kiểm toán nợ của chính quyền địa phương

Việc kiểm toán báo cáo vay, trả nợ, dư nợ của chính quyền địa phương được Kiểm toán Nhà nước thực hiện cùng thời điểm với kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trước khi trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn.

Điều 17. Báo cáo về nợ của chính quyền địa phương

1. Hằng tháng, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan về tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của chính quyền địa phương cùng với báo cáo thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương.

2. Hằng quý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của chính quyền địa phương cùng với báo cáo thực hiện dự toán ngân sách theo quy định tại khoản 3 Điều 52 và khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước; báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện ngân sách địa phương và thực hiện kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương tại kỳ họp cuối năm và báo cáo đánh giá bổ sung tại kỳ họp giữa năm sau.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ 6 tháng báo cáo Bộ Tài chính thực hiện kế hoạch vay, trả nợ hằng năm của chính quyền địa phương theo phụ lục I và phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Điều 18. Công bố thông tin về nợ của chính quyền địa phương

1. Hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về nợ của chính quyền địa phương.

2. Các chỉ tiêu vay, trả nợ của chính quyền địa phương được công bố, bao gồm:

- a) Số dư nợ đầu năm (chi tiết theo từng nguồn vay);
- b) Số vay trong năm (chi tiết vay trả nợ gốc, vay để bù đắp bội chi);
- c) Số trả nợ trong năm (chi trả nợ lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến các khoản vay của chính quyền địa phương; chi trả nợ gốc);
- d) Số dự nợ cuối năm (chi tiết theo từng nguồn vay).

3. Nội dung công bố, gồm: công bố số liệu và thuyết minh cơ sở số liệu theo các chỉ tiêu vay, trả nợ quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thời gian công bố thông tin:

a) Đối với kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương, công bố cùng với dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, chậm nhất 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành;

b) Đối với kết quả thực hiện kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương, công bố cùng với quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn, chậm nhất 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành.

5. Hình thức công bố: đưa lên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương V

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH TRONG QUẢN LÝ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật Quản lý nợ công;

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật Quản lý nợ công.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất quản lý nợ của chính quyền địa phương và có nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, hằng năm của chính quyền địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

b) Xây dựng chương trình quản lý nợ 03 của chính quyền địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Xây dựng phương án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vay khác trong nước báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Căn cứ dự toán chi ngân sách địa phương và nguồn tài chính của địa phương đã được cấp có thẩm quyền quyết định, thực hiện thanh toán nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác liên quan đến khoản vay của chính quyền địa phương;

e) Thanh tra, kiểm tra của các cơ quan, tổ chức về quản lý, sử dụng vốn vay của chính quyền địa phương.

3. Các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý nợ của chính quyền địa phương từ khâu đề xuất các khoản vay, thực hiện vay, quản lý và sử dụng khoản vay theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Các khoản vay đã được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm khoản vay được ký kết.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc